

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2015/TT-BCA

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17/11/2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định, hướng dẫn sử dụng và quản lý các loại mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mẫu giấy tờ dùng cho cơ quan, tổ chức và cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam

1. Tờ khai đề nghị cấp thị thực Việt Nam (NA1).
2. Công văn đề nghị xét duyệt, kiểm tra nhân sự người nước ngoài nhập cảnh (NA2).
3. Đơn bảo lãnh cho thân nhân là người nước ngoài nhập cảnh (NA3).
4. Phiếu yêu cầu điện báo (NA4).
5. Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú (NA5).
6. Công văn đề nghị cấp thẻ tạm trú (NA6).
7. Đơn bảo lãnh cấp thẻ tạm trú (NA7).
8. Tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài (NA8).

9. Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy miễn thị thực (NA9).
10. Danh sách người đề nghị cấp giấy miễn thị thực (NA10).
11. Giấy bảo lãnh cho người nước ngoài thường trú tại Việt Nam (NA11).
12. Đơn xin thường trú (NA12).
13. Tờ khai cấp đổi, cấp lại thẻ thường trú (NA13).
14. Công văn đề nghị cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NA14).
15. Đơn xin phép cho thân nhân vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NA15).
16. Văn bản giới thiệu con dấu, chữ ký của người có thẩm quyền của tổ chức (NA16).
17. Phiếu khai báo tạm trú của người nước ngoài (NA17).
18. Danh sách người nước ngoài khai báo tạm trú (NA18).

Điều 3. Mẫu giấy tờ dùng cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh

1. Công văn trả lời đề nghị xét duyệt nhân sự người nước ngoài nhập cảnh (NB1).
2. Công văn trả lời đề nghị kiểm tra nhân sự người nước ngoài nhập cảnh (NB2).
3. Công văn trả lời đề nghị cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế (NB3).
4. Bản FAX thông báo cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực cho khách (NB4).
5. Công văn trả lời nhân sự người đề nghị cấp giấy miễn thị thực (NB5).
6. Giấy báo tin về việc người nước ngoài xin thường trú (NB6).
7. Giấy biên nhận hồ sơ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (NB7).

Điều 4. Mẫu giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú Việt Nam

1. Thị thực dán (NC1).
2. Thị thực rời (NC2).
3. Thẻ tạm trú loại dán (NC3A).
4. Thẻ tạm trú loại rời (NC3B, NC3C).
5. Giấy miễn thị thực loại dán (NC4).
6. Giấy miễn thị thực loại rời (NC5).
7. Dấu kiểm chứng nhập cảnh, xuất cảnh (NC6).
8. Dấu chứng nhận tạm trú (NC7).
9. Dấu gia hạn tạm trú (NC8).
10. Thẻ thường trú (NC9).
11. Giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NC10).

12. Biên bản tạm hoãn xuất cảnh/buộc xuất cảnh/chưa cho nhập cảnh (NC11).
13. Quyết định buộc xuất cảnh (NC12).

Điều 5. In, sử dụng và quản lý các loại mẫu giấy tờ

1. Đối với ấn phẩm trắng (thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy miễn thị thực):

a) Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị nghiên cứu, sản xuất tài liệu kỹ thuật nghiệp vụ của Tổng cục Hậu cần, kỹ thuật Bộ Công an để sản xuất ấn phẩm trắng cung ứng kịp thời yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy miễn thị thực;

b) Các cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy miễn thị thực phải quản lý ấn phẩm trắng theo chế độ mật; cấp đúng quy định, đúng đối tượng;

c) Trước ngày 15/11 hàng năm, các cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy miễn thị thực phải dự trữ và đăng ký với Cục Quản lý xuất nhập cảnh số lượng ấn phẩm trắng cần sử dụng cho năm tiếp theo. Cách đăng ký như sau: các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan của Bộ Ngoại giao đăng ký qua Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao; các đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế thuộc Bộ Quốc phòng quản lý đăng ký qua Cục Cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng; Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đăng ký trực tiếp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

2. Đối với các mẫu giấy tờ dùng cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh nêu tại Điều 3 của Thông tư này khi sử dụng phải in trên khổ giấy A4 và không được thay đổi nội dung của mẫu.

3. Đối với các mẫu giấy tờ dùng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu tại Điều 2 Thông tư này, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể truy cập, in sử dụng các mẫu giấy tờ trên mạng thông tin điện tử của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài. Khi sử dụng mẫu, không được thêm, bớt và phải điền đầy đủ các nội dung được quy định trong mẫu.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2015.

Thông tư này thay thế: Điều 1 Thông tư số 01/2012/TTLT/BCA-BNG ngày 03/01/2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 04/2002/TTLT ngày 29/01/2012 và Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT/BCA-BNG ngày 12/5/2009 của Bộ Công an - Bộ Ngoại giao trong lĩnh vực xuất nhập cảnh; Điều 2 Thông tư số 02/2012/TT-BCA ngày 05/01/2013 về việc ban hành, hướng dẫn sử dụng và quản lý các loại mẫu giấy tờ liên quan đến công tác quản lý xuất nhập cảnh; Thông tư số 25/2013/TT-BCA ngày 12/6/2014 sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Thông tư số 02/2012/TT-BCA ngày 05/01/2013 về việc ban hành hướng dẫn sử dụng và quản lý các loại mẫu giấy tờ liên quan đến công tác quản lý xuất nhập cảnh.

2. Giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực còn thời hạn được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết hạn ghi trong giấy tờ đó.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục An ninh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương và các đơn vị khác có liên quan tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Tổng cục An ninh) để có hướng dẫn kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Trần Đại Quang

Ảnh - photo
4 x 6 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form) NA1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC VIỆT NAM (1)*VIETNAMESE VISA APPLICATION FORM*

(Dùng cho người nước ngoài - For foreigners)

1. Họ tên (chữ in hoa):
Full name (in capital letters)
2. Giới tính: Nam Nữ
Sex Male Female
3. Sinh ngày..... tháng..... năm
Date of birth (Day, Month, Year)
4. Nơi sinh:.....
Place of birth
5. Quốc tịch gốc:..... 6. Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
7. Tôn giáo:..... 8. Nghề nghiệp:
Religion Occupation
9. Nơi làm việc:.....
Employer and business address
10. Địa chỉ thường trú:.....
Permanent residential address
- Số điện thoại/Email:.....
Telephone/Email

11. Thân nhân *Family members:*

Quan hệ (3) <i>Relationship</i>	Họ tên (chữ in hoa) <i>Full name (in capital letters)</i>	Giới tính <i>Sex</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth (Day, Month, Year)</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Địa chỉ thường trú <i>Permanent residential address</i>
.....
.....
.....
.....
.....

12. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:..... loại (4):
Passport or International Travel Document number Type
- Cơ quan cấp:..... có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)
13. Ngày nhập cảnh Việt Nam gần nhất (nếu có):
Date of the previous entry into Viet Nam (if any)
14. Dự kiến nhập cảnh Việt Nam ngày...../...../.....; tạm trú ở Việt Nam..... ngày
Intended date of entry (Day, Month, Year) Intended length of stay in Viet Nam days
15. Mục đích nhập cảnh:
Purpose of entry
16. Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:.....
Intended temporary residential address in Viet Nam
17. Cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân tại Việt Nam mời, bảo lãnh
Hosting organisation/individual in Viet Nam

Cơ quan, tổ chức:.....

Name of hosting organisation

Địa chỉ:.....

Address

Cá nhân (họ tên).....

Hosting individual (full name)

Địa chỉ.....

Address

Quan hệ với bản thân.....

Relationship to the applicant

18. Trẻ em dưới 14 tuổi đi cùng hộ chiếu (nếu có):

Accompanying child(ren) under 14 years old included in your passport (if any)

Ảnh - photo
4 x 6 cm
(under 14 years
old)
See notes
(2)

Ảnh - photo
4 x 6 cm
(under 14 years
old)
See notes
(2)

Số TT <i>No</i>	Họ tên (chữ in hoa) <i>Full name (in capital letters)</i>	Giới tính <i>(Sex)</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>
.....

19. Đề nghị cấp thị thực: một lần nhiều lần

Applying for a visa Single Multiple

từ ngày:...../...../..... đến ngày...../...../.....

valid from (Day, Month, Year) to (Day, Month, Year)

20. Đề nghị khác liên quan việc cấp thị thực (nếu có):

Other requests (if any)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Làm tại:..... ngày..... tháng..... năm.....

Done at date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

The applicant's signature and full name

Ghi chú/Notes:

(1) Mỗi người khai 01 bản kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, nộp trực tiếp tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế nơi nhận thị thực.

Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document at the Vietnamese Diplomatic Mission abroad or at the international border checkpoint immigration office where the visa is issued.

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 4 x 6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).

Enclose 2 recently taken photos in 4 x 6 cm size, with white background, front view, bare head, without sunglasses (one on the form and the other separate).

(3) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột (nếu có).

State clearly the information about parents, spouse, children and siblings (if any).

(4) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Specify type of passport whether it is Ordinary, Official or Diplomatic or specify name of the International Travel Document.

Mẫu (Form) NA2(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

.....(1)

..... ngày..... tháng..... năm.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:

Số:.....

V/v nhập cảnh của
khách nước ngoàiKính gửi: **CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH (BỘ CÔNG AN)**.....(1) đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét việc nhập
cảnh của..... người nước ngoài, cụ thể như sau:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch		Số, loại hộ chiếu	Chức vụ hoặc nghề nghiệp
				Gốc	Hiện nay		

Được nhập cảnh Việt Nam..... lần, từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....

Với mục đích:.....

Chương trình hoạt động tại các địa phương:.....

Dự kiến địa chỉ tạm trú tại:.....

Cơ quan, tổ chức đón tiếp, quản lý:.....

Đề nghị Cục Quản lý XNC: (2)

- Thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam tại nước..... để cấp thị thực.

- Giải quyết cho khách nhận thị thực tại cửa khẩu..... lý do.....

- Đề nghị khác (3).....

Nơi nhận:**Thủ trưởng cơ quan/tổ chức**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)**Ghi chú:**

(1) Ghi tên cơ quan, tổ chức.

(2) Mục nào không ghi thì gạch chéo (/) ở phần chừa trống.

(3) Trường hợp khách thuộc diện miễn thị thực theo quy định, thì mục này ghi "khách được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam".

III. Đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh Request the Immigration Department:

1. Giải quyết cho những người có tên ở Mục II được nhập cảnh Việt Nam

một lần nhiều lần từ ngày:...../...../..... đến ngày...../...../.....

To grant the people listed in Part II permission of a single entry or multiple entries into Viet Nam for an intended length of stay from (Day, Month, Year).../.../... to.../.../...

2. Mục đích/Purpose of entry:.....

3. Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:.....

Intended temporary residential address in Viet Nam

4. Thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam tại..... nước..... để cấp thị thực.

To inform the Vietnamese Diplomatic Mission at..... in (country)..... of the visa issuance.

5. Cho nhận thị thực tại cửa khẩu, tên cửa khẩu:.....

To grant permission to pick up visa upon arrival at..... Border Checkpoint.

Lý do

Reason (s).....

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Xác nhận Certified by (5)

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)

Signature, full name, title and stamp

Làm tại..... ngày..... tháng..... năm.....

Done at..... date (Day, Month, Year)

Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)

The sponsor's signature and full name

Ghi chú/Notes

(1) Dùng cho công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú/thẻ tạm trú tại Việt Nam mời, bảo lãnh thân nhân nhập cảnh; nộp trực tiếp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an.

This form is for Vietnamese citizens or the foreigners with Permanent or Temporary Resident Card in sponsoring their foreign family members to apply for a Vietnamese visa. Submit in person a completed application form at the Immigration Department - Ministry of Public Security.

(2) Kèm bản sao giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú;

Enclose a certified copy of the ID Card/Passport or Permanent/Temporary Resident Card

(3) Công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú ghi địa chỉ thường trú; người nước ngoài có thẻ tạm trú ghi địa chỉ tạm trú.

For Vietnamese citizens or the foreigners with Permanent Resident Card, specify the permanent residential address in Viet Nam; For Temporary Resident Card holders, specify the temporary residential address.

(4) Kèm bản sao giấy tờ chứng minh quan hệ theo quy định.

Enclose supporting documents to prove family relationship as stipulated by the Law.

(5) Trường hợp công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú, thì Trưởng Công an phường, xã xác nhận các điểm khai tại Mục I.

For Vietnamese citizens and the foreigners with Permanent Resident Card, Part I is certified by the Chief of the Ward/Commune Public Security.

Trường hợp người nước ngoài có thẻ tạm trú thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người đó xác nhận các điểm khai tại Mục I.

For the foreigners with Temporary Resident Card, part I is certified by the Head of sponsoring organisation.

Mẫu (Form) NA4
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

....., ngày..... tháng.... năm.....

PHIẾU YÊU CẦU ĐIỆN BÁO

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Đề nghị quý Cục điện báo tới cơ quan đại diện Việt Nam tại.....

.....

Đề cấp thị thực nhập cảnh cho những khách dưới đây:

Tổng số..... khách, trong đó:

- khách, từ số..... tới số..... tại công văn trả lời về việc
xét duyệt, kiểm tra nhân sự số....., ngày.....

- khách, từ số..... tới số..... tại công văn trả lời về việc
xét duyệt, kiểm tra nhân sự số....., ngày.....

- khách, từ số..... tới số..... tại công văn trả lời về việc
xét duyệt, kiểm tra nhân sự số....., ngày.....

Người đề nghị

Mẫu (Form) NA5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC, GIA HẠN TẠM TRÚ (1)
APPLICATION FORM FOR VISA ISSUANCE, STAY EXTENSION

Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú ở Việt Nam
For temporary residence foreigners in Viet Nam

I. Người đề nghị *The applicant:*

1. Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
2. Giới tính: Nam Nữ 3. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)
4. Quốc tịch gốc:..... 5. Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
6. Nghề nghiệp/chức vụ:.....
Occupation/position
7. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:..... loại (2):.....
Passport or International Travel Document number Type
Cơ quan cấp:..... có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)
8. Nhập cảnh Việt Nam ngày:...../...../..... qua cửa khẩu:.....
Date of the latest entry into Viet Nam (Day, Month, Year) via entry port
Mục đích nhập cảnh:.....
Purpose of entry
9. Được phép tạm trú đến ngày:...../...../.....
Permitted to remain until (Day, Month, Year)
- Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam:.....
Temporary residential address in Viet Nam
- Điện thoại liên hệ/Email.....
Contact telephone number/Email

II. Cơ quan/tổ chức hoặc thân nhân ở Việt Nam mời, bảo lãnh:***Hosting organisation/family relative in Viet Nam***

1. Tên cơ quan, tổ chức *Name of hosting organisation:*
.....
Địa chỉ *Address*.....
Điện thoại liên hệ/Email *Contact telephone number/Email*.....
2. Thân nhân bảo lãnh (Họ tên):.....
Hosting family relative (full name)
Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú số:.....
Identity Card/Passport/Permanent/Temporary Resident Card Number

Cấp ngày:..... cơ quan cấp:.....

Issuing date Issuing authority

Quan hệ với người đề nghị:..... (3)

Relationship to the applicant

Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam:.....

Permanent/temporary residential address in Viet Nam

Điện thoại liên hệ/Email:.....

Contact telephone number/Email

III. Nội dung đề nghị *Requests:*

1. Cấp thị thực: một lần nhiều lần có giá trị đến ngày:...../...../.....

To issue a visa Single Multiple Valid to (Day, Month, Year)

2. Gia hạn tạm trú đến ngày:...../...../.....

To extend the duration of stay until (Day, Month, Year)

3. Lý do *Reason(s)*.....

IV. Những điều cần trình bày thêm *Additional statements:*.....

.....

Làm tại..... ngày..... tháng..... năm.....

Done at..... date (Day, Month, Year)

Xác nhận (4) *Certified by*

(Ký, ghi rõ họ tên,
chức vụ, đóng dấu)

*Signature, full name,
title and stamp*

Người bảo lãnh

(Ký, ghi rõ họ tên)

*The sponsor's signature
and full name*

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

*The applicant's signature
and full name*

Ghi chú *Notes:*

(1) Mỗi người khai 1 bản, kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và 01 ảnh mới chụp cỡ 4 x 6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document and one recently taken photo in 4 x 6cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses at the Immigration Office.

(2) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Specify type of passport whether it is Ordinary, Official or Diplomatic; or specify name of the International Travel Document.

(3) Kèm theo giấy tờ chứng minh quan hệ.

Enclose supporting documents to prove the family relationship

(4) Trường hợp do cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh, hoặc người nước ngoài có thẻ tạm trú mời, bảo lãnh thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức xác nhận.

Be certified by the head of the organization if the sponsor is an organisation or a foreigner with Temporary Resident Card.

Trường hợp công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú mời, bảo lãnh, thì Trưởng Công an phường, xã xác nhận các nội dung tại điểm 2 Mục II.

Be certified by the Chief of the local Ward/Commune Public Security where the sponsor is residing permanently if the sponsor is a Vietnamese citizen or a foreigner with Permanent Resident Card.

Mẫu (Form) NA6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

.....(1)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:

Số:.....

*V/v Đề nghị cấp thẻ tạm trú
cho người nước ngoài*

Kính gửi:.....(2)

Đề nghị quý cơ quan xem xét cấp thẻ tạm trú cho..... người nước ngoài sau đây:

Số TT	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu số	Vị trí công việc

(Tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú kèm theo)

Thủ trưởng cơ quan/tổ chức

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức

(2) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao (đối với người thuộc diện cấp thẻ tạm trú NG3).

Mẫu (Form) NA7
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN BẢO LÃNH CẤP THẺ TẠM TRÚ

Kính gửi:.....(1)

I. Người bảo lãnh:

1. Họ tên:.....
2. Giới tính: Nam Nữ 3. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
4. Địa chỉ thường trú (theo sổ hộ khẩu):.....
- Địa chỉ tạm trú (nếu có):.....
- Điện thoại liên hệ/Email:.....
5. Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu số.....
6. Nghề nghiệp:..... Nơi làm việc hiện nay:.....

II. Người được bảo lãnh:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu số	Quan hệ (2)

III. Nội dung bảo lãnh:

1. Bảo lãnh cho thân nhân nêu ở Mục II được cấp thẻ tạm trú theo tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú (kèm theo).

2. Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

Xác nhận (3)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Làm tại..... ngày..... tháng..... năm.....
Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, Thành phố nơi thường trú.

(2) Ghi rõ quan hệ với người bảo lãnh

(3) Trưởng/Công an phường, xã nơi người bảo lãnh thường trú xác nhận nội dung tại Mục I.

Ảnh -
photo
2 x 3 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form) NA8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TẠM TRÚ (1)
INFORMATION FORM FOR A TEMPORARY RESIDENT CARD

Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam
For temporary residence foreigners in Viet Nam

1. Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
2. Giới tính: Nam Nữ
Sex Male Female
3. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
4. Quốc tịch gốc:.....
Nationality at birth
5. Quốc tịch hiện nay:.....
Current nationality
6. Nghề nghiệp/chức vụ:.....
Occupation/position
7. Hộ chiếu số..... Loại: Phổ thông Công vụ Ngoại giao
Passport Number Type: Ordinary Official Diplomatic
Cơ quan cấp:..... có giá trị đến ngày...../...../.....
Issuing authority Expiry date (Day, Month, Year)
8. Địa chỉ cư trú, nơi làm việc ở nước ngoài trước khi nhập cảnh Việt Nam
Your residential and business address before coming to Viet Nam
- Địa chỉ cư trú *Residential address*:.....
- Nơi làm việc *Business address*:.....
9. Nhập cảnh Việt Nam ngày:...../...../..... qua cửa khẩu:.....
Date of the latest entry into Viet Nam (Day, Month, Year) via entry port
Mục đích nhập cảnh: (3).....
Purpose of entry
10. Được phép tạm trú đến ngày:...../...../.....
Permitted to remain until (Day, Month, Year)
- Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam:.....
Temporary residential address in Viet Nam
- Điện thoại liên hệ/Email:.....
Contact telephone number/Email
11. Nội dung đề nghị *Requests*:
- Cấp thẻ tạm trú có giá trị đến ngày...../...../.....
To issue a Temporary Resident Card valid until (Day, Month, Year)
- Lý do *Reason(s)*: (4).....

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct.

Làm tại:..... ngày..... tháng..... năm.....
Done at date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)
The applicant's signature and full name

Ghi chú Notes:

(1) Mỗi người khai 01 bản kèm hộ chiếu và công văn bảo lãnh của cơ quan, tổ chức hoặc đơn bảo lãnh của thân nhân; nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại Giao (đối với người thuộc diện cấp thẻ tạm trú ký hiệu NG3).

Submit in person one completed application form enclosed with passport and the sponsoring application by the hosting organisation/family relative at the Immigration Office or at the competent authority of the Ministry of Foreign Affairs (for those who are eligible for the Temporary Resident Card categorised as NG3)

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 2 x 3cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai và 01 ảnh để rời)

Enclose 02 recently-taken photos in 2 x 3 cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses (one photo on the form and the other separate).

(3) Ghi rõ vào làm việc gì ở Việt Nam hoặc thăm người thân.

Specify business purpose in Vietnam or family visit purpose.

(4) Ghi rõ lý do: làm việc, lao động, đầu tư, học tập hoặc thăm người thân và kèm theo giấy tờ chứng minh

Specify the reasons whether it is business, labour, investment, study or family visit and enclose supporting documents.

Ảnh - photo
4 x 6 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form) NA9

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY MIỄN THỊ THỰC (1)
*APPLICATION FORM FOR ISSUANCE/REISSUANCE
OF A VISA EXEMPTION CERTIFICATE*

1. Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
2. Giới tính: Nam Nữ
Sex Male Female
3. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
4. Nơi sinh:.....
Place of birth
5. Quốc tịch gốc:..... 6. Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
7. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số.....
Passport or International Travel Document number
Cơ quan cấp:..... có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)
8. Nghề nghiệp:.....
Occupation
9. Địa chỉ cư trú, nơi làm việc hiện nay ở nước ngoài:.....
Current residential, business address abroad:
..... Số điện thoại/Email:.....
Telephone/Email
10. Địa chỉ cư trú ở Việt Nam trước khi xuất cảnh định cư ở nước ngoài (nếu có)
Previous residential address in Viet Nam before residing abroad (if any)
.....
11. Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam.....
Contact address in Viet Nam
..... Số điện thoại:.....
Telephone
12. Trẻ em dưới 14 tuổi đi cùng hộ chiếu (họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh)
Accompanying minors (under 14 years old) included in the applicant's passport
(full name, sex, date of birth (Day, Month, Year)).
.....
.....
13. Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được cấp giấy miễn thị thực (3)
Supporting documents to prove the eligibility for a Visa Exemption Certificate
.....
.....

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Làm tại:..... ngày..... tháng..... năm.....
Done at date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)
The applicant's signature and full name

Ghi chú/Notes:

(1) Mỗi người khai 1 bản, kèm hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; nộp trực tiếp tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document at the Vietnamese Diplomatic Mission or at the Immigration Department.

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 4 x 6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời)

Enclose 02 recently taken photos in 4 x 6cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses (one photo on the form and the other separate).

(3) Kèm bản sao một trong các giấy tờ: Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn, Hộ chiếu Việt Nam hết giá trị, Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Enclose one certified copy of one of the following documents: Birth Certificate, Marriage Certificate, expired Vietnamese Passport, ID Card, Family Registration Booklet or other documents as stipulated by the Vietnamese Law.

.....(1)

Số:

V/v cấp Giấy miễn thị thực

Mẫu NA10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

.....(1)..... gửi danh sách đề nghị cấp giấy miễn thị thực cho.....(2)..... người sau:

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu/Giấy tờ đi lại quốc tế		Nghề nghiệp	Giấy tờ chứng minh (3)	Ghi chú (4)
					Số	Ngày hết hạn			
.....
.....

Đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh cho biết ý kiến./.

Thủ trưởng cơ quan đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

(2) Tổng số người;

(3)- Đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, ghi tên giấy tờ chứng minh là người gốc Việt Nam

- Đối với người nước ngoài, ghi rõ tên giấy tờ chứng minh quan hệ với người Việt Nam.

(4) Những vấn đề cần chú ý khác: cấp lại, cấp lần máy....

Mẫu (Form) NA11(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**GIẤY BẢO LÃNH**

CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ TẠI VIỆT NAM (1)

I. Người bảo lãnh

1. Họ tên:.....
2. Giới tính: nam nữ 3. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
4. Địa chỉ thường trú (ghi theo sổ hộ khẩu).....
5. Giấy chứng minh nhân dân số:.....
cấp ngày:..... cơ quan cấp:.....
6. Nghề nghiệp:..... Nơi làm việc hiện nay:.....

II. Người được bảo lãnh

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu số	Nghề nghiệp	Quan hệ (2)

III. Nội dung bảo lãnh

1. Bảo lãnh cho thân nhân nêu ở Mục II được thường trú tại địa chỉ:
.....

2. Đảm bảo về cuộc sống cho thân nhân sau khi được thường trú (3)

a) Về nhà ở:

Người bảo lãnh cung cấp hoặc cho ở cùng nhà Người được bảo lãnh tự mua

b) Về nguồn sống thường xuyên:

Người bảo lãnh cung cấp tài chính để nuôi dưỡng Người được bảo lãnh tự túc

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

**Xác nhận của Công an phường, xã nơi
người bảo lãnh thường trú (4)**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)

Làm tại..... ngày..... tháng..... năm.....

Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)**Ghi chú:**

- (1) Nộp kèm theo đơn xin thường trú (mẫu NA12).
- (2) Ghi rõ quan hệ với người bảo lãnh và kèm theo giấy tờ chứng minh.
- (3) Đánh dấu x vào ô tương ứng và kèm theo giấy tờ chứng minh.
- (4) Trường Công an phường, xã xác nhận Mục I.

Ảnh - photo
2 x 3 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form) NA12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

ĐƠN XIN THƯỜNG TRÚ**APPLICATION FORM FOR PERMANENT RESIDENCE STATUS**

(Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam)

(For temporary residence foreigners in Viet Nam)

Kính gửi/To:.....(1)

1. Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
Họ tên khác (nếu có):.....
Other names (if any)
2. Giới tính: Nam Nữ
Sex Male Female
3. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
4. Nơi sinh:.....
Place of birth
5. Quốc tịch gốc:..... 6. Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
7. Dân tộc:..... 8. Tôn giáo:.....
Ethnic group Religion
9. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số.....
Passport or International Travel Document number
10. Cơ quan cấp:..... có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)
11. Địa chỉ cư trú, nghề nghiệp, nơi làm việc ở nước ngoài trước khi nhập cảnh Việt Nam
Residential address, occupation and business address abroad before coming to Viet Nam
- Địa chỉ Residential address.....
- Nghề nghiệp Occupation.....
- Nơi làm việc Business address.....
12. Trình độ *Qualifications*.
- Học vấn (bằng cấp, học vị)..... Tay nghề chuyên môn (ngành, bậc).....
Academic qualifications Professional skills (area, level)
- Trình độ tiếng Việt (nói, nghe, đọc, viết).....
Vietnamese language skills (speaking, listening, reading, writing)
13. Nhập cảnh Việt Nam ngày:...../...../..... qua cửa khẩu:.....
Date of the latest entry into Viet Nam via entry port
- Mục đích nhập cảnh:..... Được phép tạm trú đến ngày:...../...../.....
Purpose of entry Permitted to remain until (Day, Month, Year)
14. Địa chỉ tạm trú, nghề nghiệp, nơi làm việc tại Việt Nam
Temporary address, occupation, business address in Viet Nam
- Địa chỉ Temporary residential address:.....
- Nghề nghiệp Occupation:.....

- Nơi làm việc *Business address*:

- Điện thoại liên hệ: Nhà riêng..... Cơ quan..... Di động.....

Contact Telephone Home Office Mobile

15. Quá trình hoạt động của bản thân (tóm tắt từ lúc 18 tuổi đến nay, từng thời gian làm gì? ở đâu?)

Brief personal experience (from age 18 to date: what did you do? where did you stay?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tham gia tổ chức chính trị, xã hội (tên tổ chức, ngày tham gia, chức vụ hoặc chức danh trong tổ chức):

Participation in any political parties or social organisations (name, participating date, position or title held)

.....

.....

.....

.....

.....

16. Thân nhân *Family members*

Quan hệ (3) <i>Relationship</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Nghề nghiệp <i>Occupation</i>	Chỗ ở hiện nay <i>Current residential address</i>
.....
.....
.....
.....
.....

17. Khả năng bảo đảm cuộc sống nếu được phép thường trú tại Việt Nam (4)

Living costs affordability if permanent residency in Viet Nam is granted

a) Về chỗ ở

Your accommodation

Người bảo lãnh cung cấp hoặc cho ở cùng nhà

Provided by/shared with the sponsor

Người xin thường trú tự mua, thuê

Owned/rent by the applicant

b) Khả năng tài chính

Financial Capability- Nguồn tài chính *Financial support*:Người bảo lãnh cung cấp tài chính hoặc nuôi dưỡng *Financially supported or brought up by the sponsor*Người xin thường trú tự túc *Self-funded by the applicant*

- Mức thu nhập hiện nay (tính theo đồng Việt Nam/tháng):.....

*Current income (in Vietnamese Dong/per month)*18. Nội dung đề nghị *Requests*

- Xin thường trú tại địa chỉ:

Applying for permanent residency at the address

Số nhà:..... Đường/phố/thôn..... Phường/xã.....

House number Street/Road/Village Ward/commune

quận/huyện..... thành phố/tỉnh.....

District City/Province

- Lý do xin thường trú (5).....

Reason for permanent residence application

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Làm tại:..... ngày.....tháng.....năm.....

*Done at date (Day, Month, Year)***Người làm đơn** (ký, ghi rõ họ tên)*The applicant's signature and full name***Ghi chú/Notes**

(1) Mỗi người khai 01 bản, nộp trực tiếp tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi xin thường trú; trường hợp người có công lao, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, nhà khoa học, chuyên gia thì nộp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed form at the Immigration Office of Province/Central City Public Security where the applicant is applying for permanent residency. For the foreigners who have contribution to the Cause of Development and Protection of Viet Nam, or are scientists and specialists, submit at the Immigration Department.

(2) Kèm 03 ảnh mới chụp, cỡ 2x3cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào đơn và 2 ảnh để rời).

Enclose 03 recently taken photos in 2x3cm size, with white background, front view, bare head and without sunglasses (one photo on the form and the others separate).

(3) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con.

State clearly the information about parents, spouse and children.

(4) Đánh dấu x vào ô tương ứng và kèm theo giấy tờ chứng minh.

Mark X on the appropriate box and enclose supporting documents.

(5) Ghi rõ lý do xin thường trú, kèm theo giấy tờ chứng minh.

Specify reasons for permanent residency application and enclose supporting documents.

Ảnh - photo
2 x 3 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form) NA13

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI THẺ THƯỜNG TRÚ (1)
*APPLICATION FORM FOR PERMANENT RESIDENT CARD
RENEWAL/REISSUANCE*

(Dùng cho người nước ngoài đang thường trú tại Việt Nam)
(For permanent residence foreigners in Viet Nam)

1. Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
Họ tên khác (nếu có):.....
Other names (if any)
2. Giới tính: Nam Nữ 3. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)
4. Nơi sinh:.....
Place of birth
5. Quốc tịch gốc:..... 6. Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
7. Nghề nghiệp:.....
Occupation
8. Nơi làm việc (tên cơ quan/tổ chức).....
Employer (Name of organisation)
Địa chỉ:.....
Business address
Điện thoại liên hệ/Email *Contact telephone number/Email*.....
9. Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:
Permanent residential address
Số nhà:..... Đường/phố/thôn..... Phường/xã.....
House number Street/road/village Ward/commune
quận/huyện..... thành phố/tỉnh.....
District City/Province
Điện thoại liên hệ/Email *Contact telephone number/Email*.....
10. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:.....
Passport or International Travel Document number
Cơ quan cấp:..... có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)
11. Thẻ thường trú số:.....
Permanent resident card number
Cơ quan cấp:..... ngày cấp:.....
Issuing authority Issuing date (Day, Month, Year)

12. Thân nhân *Family members*

Quan hệ (3) <i>Relationship</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Nghề nghiệp <i>Occupation</i>	Chỗ ở hiện nay <i>Current residential address</i>

13. Nội dung đề nghị:

Requests:+ Đổi thẻ thường trú *To renew the Permanent Resident Card*+ Cấp lại thẻ thường trú *To reissue the Permanent Resident Card*

- Lý do (4).....

Reason

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

**Xác nhận của Công an phường, xã
nơi người nước ngoài thường trú (5)**
*Certified by the Ward/Commune Public
Security where the applicant is residing
permanently*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and stamp

Làm tại..... ngày..... tháng..... năm.....
Done at..... date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)
The applicant's signature and full name

Ghi chú/Notes:

(1) Mỗi người khai 01 bản, nộp trực tiếp tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thường trú.

Submit in person one completed form at the Immigration Office of Province/Central City Public Security where the applicant is residing permanently.

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 2 x 3cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).

Enclose 02 recently taken photos in 4 x 6cm size with white background, front view, bare head without sunglasses (one photo on the form, the other separate).

(3) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con.

State clearly the information about parents, spouse and children.

(4) Ghi rõ lý do bị mất/bị hỏng/thay đổi nội dung ghi trong thẻ.

Specify the reason whether it is loss, damage, modification of details on the Card.

(5) Trưởng Công an phường, xã xác nhận các điểm khai ghi tại Mục 1, 2, 3, 9, 12

Points 1, 2, 3, 9, 12 are certified by the Chief of the Ward/Commune Public Security

Mẫu (Form) NA14(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

.....(1)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:

Số:.....

Kính gửi:..... (2)

Đề nghị cấp phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới cho..... người nước ngoài, cụ thể như sau:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu/thẻ tạm trú/thẻ thường trú số	Nghề nghiệp, chức vụ
.....
.....
.....
.....

- Địa chỉ tạm trú/thường trú tại Việt Nam:.....

- Khách của cơ quan/tổ chức:.....

- Xin vào khu vực:.....

Thời gian: từ ngày..... đến ngày..... số lần.....

Mục đích:.....

- Người hướng dẫn:

Họ tên:..... chức vụ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:.....

cấp ngày..... cơ quan cấp.....

Nơi làm việc:.....

Nơi nhận:**Thủ trưởng cơ quan/tổ chức**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)**Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan, tổ chức;

(2) Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có khu vực cấm, khu vực biên giới.

Mẫu (Form) NA15(Ban hành kèm theo thông tư số 04 /2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN XIN PHÉP CHO THÂN NHÂN VÀO KHU VỰC CẤM,
KHU VỰC BIÊN GIỚI (1)**

Kính gửi:..... (2)

- Tên tôi là (chữ in hoa):.....
- Giới tính: nam nữ Sinh ngày..... tháng.... năm..... Nghề nghiệp:.....
- Giấy chứng minh nhân dân số:.....
- cấp ngày..... cơ quan cấp:.....
- Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:.....

Đề nghị cấp phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới cho..... người nước ngoài, cụ thể như sau:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu/thẻ tạm trú/ thẻ thường trú số	Nghề nghiệp, chức vụ

- Địa chỉ tạm trú/thường trú tại Việt Nam:.....
- Quan hệ với bản thân:.....(3)
- Xin vào khu vực:.....
- Thời gian: từ ngày..... đến ngày..... số lần.....
- Mục đích:.....

Xác nhận của Trưởng Công an phường, xã
nơi người bảo lãnh thường trú (4)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Dùng cho công dân Việt Nam đang thường trú tại khu vực cấm, khu vực biên giới;
- (2) Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có khu vực cấm, khu vực biên giới.
- (3) Kèm bản sao giấy tờ chứng minh quan hệ (ông, bà, cha, mẹ của vợ hoặc chồng; vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người làm đơn).
- (4) Xác nhận nhân thân người bảo lãnh và địa chỉ thường trú của người bảo lãnh.

Mẫu (Form) NA16(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

.....(1)

..... ngày..... tháng..... năm.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:

Số:.....

v/v giới thiệu con dấu, chữ ký

Kính gửi:.....(2)

.....(3)..... được thành lập theo.....(4)..... cấp ngày...../...../.....

Xin giới thiệu con dấu của.....(5)..... và chữ ký của người có thẩm quyền để làm các thủ tục liên quan đến việc bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại quý cơ quan, cụ thể:

1. Mẫu con dấu:

--	--	--

2. Người đại diện theo pháp luật: Ông (bà):.....

- Quốc tịch:..... CMND/Hộ chiếu số:.....

- Địa chỉ thường trú/tạm trú:.....

- Mẫu chữ ký:

--	--	--

Xin giới thiệu để quý cơ quan phối hợp công tác./.

Thủ trưởng cơ quan/tổ chức

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) (3) (5) Tên cơ quan/tổ chức.

(2) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.

(4) Ghi rõ giấy phép hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập tổ chức và kèm theo bản sao có chứng thực.

Mẫu (Form) NA17

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

Tên cơ sở lưu trú:..... (1)

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

PHIẾU KHAI BÁO TẠM TRÚ CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Kính gửi:.....

STT	Họ tên	Giới tính		Sinh ngày, tháng, năm	Quốc tịch	Loại, số hộ chiếu (2)	Loại, thời hạn, số, ngày cấp, cơ quan cấp thị thực (3)	Ngày, cửa khẩu nhập cảnh (4)	Mục đích nhập cảnh	Tạm trú (từ ngày đến ngày)
		Nam	Nữ							

Xác nhận
(Của đơn vị tiếp nhận)

Đại diện cơ sở lưu trú
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Cơ sở lưu trú du lịch, nhà khách, khu nhà ở cho người nước ngoài làm việc, lao động, học tập, thực tập, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nhà riêng, hoặc cơ sở lưu trú khác theo quy định của pháp luật.

(2) Ghi rõ số, loại hộ chiếu (phổ thông, công vụ...);

(3) Nếu nhập cảnh theo diện miễn thị thực thì ghi "Miễn thị thực"; nhập cảnh bằng giấy tờ khác thì ghi rõ theo thứ tự: loại giấy tờ (thị thực, thẻ tạm trú, giấy miễn thị thực, thẻ ABTC), số, thời hạn, ngày cấp, cơ quan cấp.

(4) Ghi ngày, tháng, năm, cửa khẩu nhập cảnh lần gần nhất;

Mẫu (Form) NA18
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
 ngày 05 tháng 01 năm 2015)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....
 Điện thoại:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG KÊ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠM TRÚ
 Kính gửi:

STT	Quốc tịch	NNN tạm trú tại cơ sở lưu trú		NNN tạm trú tại nhà dân		Tổng số (theo từng quốc tịch)
		Khách mới	Khách đang tạm trú	Khách mới	Khách đang tạm trú	
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
Tổng						

Đơn vị thống kê

Xác nhận
 (Của đơn vị tiếp nhận)

Mẫu (Form) NB1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

..... ngày.....tháng.....năm.....

V/v giải quyết cho người nước
ngoài nhập cảnh Việt Nam

Kính gửi:..... (1)

Trả lời.....(2), ngày..... tháng..... năm..... của..... (1) về việc giải quyết cho.....
người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam để.....(3), Cục Quản lý xuất nhập cảnh có ý
kiến như sau:

1. Đồng ý cho..... người nước ngoài có tên sau đây được nhập cảnh Việt Nam..... lần
từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....: (4)

2. Về việc cấp thị thực: (5)

3. Ý kiến khác: (6)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị kiểm soát xuất
nhập cảnh tại cửa khẩu (7);
- Lưu: VT,...

CỤC TRƯỞNG

Giải thích mẫu:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đề nghị.
- (2) Công văn số của cơ quan, tổ chức hoặc đơn đề nghị của cá nhân.
- (3) Ghi rõ mục đích nhập cảnh.
- (4) Nếu có từ 1 đến 4 người thì in ngay danh sách với các yếu tố: số TT, mã số, họ tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, số hộ chiếu vào phần chừa trống của mục này. Nếu có số lần nhập cảnh, thời gian nhập cảnh khác nhau thì sẽ in thêm các dòng tương ứng; nếu 5 người trở lên, sẽ in thêm dòng chữ *danh sách kèm theo*, danh sách được in vào tờ riêng cũng gồm các yếu tố: số TT, mã số, họ tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, số hộ chiếu
- (5) Ghi rõ việc Cục Quản lý XNC đã fax cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, hoặc cho phép người nước ngoài được nhận thị thực tại cửa khẩu đường bộ, đường thủy, đường sắt.
- (6) + (7) Mục này không thể hiện trên công văn trả lời, chỉ khi có những vấn đề liên quan việc nhập cảnh của người nước ngoài hoặc liên quan, tổ chức, cá nhân mời khách hoặc nhận thị thực tại cửa khẩu thì mới in mục này.

Mẫu (Form) NB2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....
V/v kiểm tra nhân sự người
nước ngoài nhập cảnh Việt Nam

..... ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:..... (1)

Trả lời công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của quý cơ quan về
việc.....(2).... người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam để..... (3), Cục
Quản lý xuất nhập cảnh có ý kiến như sau:

Về nhân sự, việc nhập cảnh từ...../...../..... đến...../...../..... của.....(2) người nói trên
không có gì trở ngại (4).

(Nếu trường hợp có đối tượng chưa cho nhập cảnh, có liên quan đến An ninh quốc
gia hoặc những ghi chú cần thiết khác thì mới có mục này).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

CỤC TRƯỞNG**Giải thích mẫu:**

- (1) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị.
- (2) Ghi rõ số lượng người nước ngoài.
- (3) Ghi rõ mục đích nhập cảnh.
- (4) Nếu có từ 1 đến 4 khách thì in ngay danh sách với các yếu tố: số TT, mã số, họ tên giới tính, ngày sinh, quốc tịch, số hộ chiếu vào phần chừa trống của mục này. Nếu có số lần nhập cảnh, thời gian nhập cảnh khác nhau thì sẽ in thêm các dòng tương ứng; nếu có 5 khách trở lên, máy sẽ in thêm dòng chữ *danh sách kèm theo*, danh sách được in vào tờ riêng cũng gồm các yếu tố: số TT, mã số, họ tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, số hộ chiếu.

Mẫu (Form) NB3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Immigration Department

Số (Ref. No):...../.....

V/v nhận thị thực tại cửa khẩu

Subj: *Pick up visa on arrival*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

....., ngày (Day).... tháng (Month)... năm (Year)....

Kính gửi:.....(1)

To:

Trả lời.....(2), ngày.... tháng.... năm.... của.....(1) về việc giải quyết cho..... người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam để.....(3), Cục Quản lý xuất nhập cảnh có ý kiến như sau:

In response to the letter number..... dated..... from..... requesting permission granted to.....persons to enter Viet Nam for the purpose of....., the Immigration Department refers it as follows:

1. Đồng ý cho..... người nước ngoài có tên sau đây được nhập cảnh Việt Nam..... lần, từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....: (4)

.... following persons are granted..... entry/entries into Viet Nam from...../...../..... to...../...../.....:

2. Những khách trên được nhận thị thực tại cửa khẩu sân bay quốc tế./

Those above mentioned persons shall pick up visa on arrival at the International Airports.

3. Ý kiến khác (5).

Notes:

Nơi nhận (CC. to):

- Như trên;

- CACK sân bay quốc tế.....(6)

(Immigration Office

at the International Airports);

- Lưu: (filing).

CỤC TRƯỞNG

Director General

Giải thích mẫu:

(1) Tên cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đề nghị.

(2) Công văn số của cơ quan, tổ chức hoặc đơn đề nghị của cá nhân.

(3) Ghi rõ mục đích nhập cảnh.

(4) Nếu có từ 1 đến 4 người thì in ngay danh sách với các yếu tố: số TT, mã số, họ tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, số hộ chiếu vào phần chừa trống của mục này. Nếu có số lần nhập cảnh khác nhau, thời gian nhập cảnh khác nhau thì sẽ in thêm các dòng tương ứng; nếu 5 người trở lên, sẽ in thêm dòng chữ *danh sách kèm theo*, danh sách được in vào tờ riêng cũng gồm các yếu tố: số TT, mã số, họ tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, số hộ chiếu

(5) Mục này không thể hiện trên công văn trả lời, chỉ khi có những vấn đề liên quan việc nhập cảnh của người nước ngoài hoặc liên quan, tổ chức, cá nhân mời khách thì mới in mục này

(6) Tên cửa khẩu sân bay quốc tế nơi người nước ngoài nhận thị thực.

Danh sách kèm theo công văn số /P2 ngày...../...../.....
Attached list to the approval letter number: /P2 dated...../...../.....

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department

Mẫu (Form) NB4(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Kính gửi:.....(1)

Fax số:

Fax Tel

Ngày:

Đề nghị cấp thị thực nhập cảnh cho
... khách dưới đây theo đề nghị của.....(2)

Trang... (tổng số trang:...)

HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Số hộ chiếu	Giá trị thị thực		Mã số khách
				Từ ngày... đến ngày	Số lần	
<i>Mục đích nhập cảnh... - Thị thực ký hiệu...</i>						
1	...					
2						
..						

Tổng số khách tại trang này (ghi bằng chữ):

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ XNC**Giải thích mẫu:**

- (1) Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
(2) Tên, cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân.

Mẫu (Form) NB5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v cấp Giấy miễn thị thực

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:.....(1).

Trả lời công điện số..... ngày.... /..... /..... của Quý cơ quan về việc cấp Giấy miễn thị thực cho..... người, Cục Quản lý xuất nhập cảnh có ý kiến như sau:

1. Việc cấp giấy miễn thị thực cho người có tên nêu trên không có gì trở ngại.
2. Trường hợp khách số... trong công điện....., đề nghị (2).....

Xin trao đổi Quý cơ quan phối hợp công tác./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

CỤC TRƯỞNG

Giải thích mẫu:

- (1) Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
- (2) Chưa cấp, bổ sung thông tin về..... (mục này chỉ có khi có thông tin yêu cầu).

Mẫu (Form) NB6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm

Kính gửi: Ông/Bà.....

Địa chỉ:..... (1)

GIẤY BÁO TIN

Bộ Công an đã xem xét chấp thuận ông/bà.....(2) được
thường trú tại địa chỉ.....
Đề nghị ông/bà thông báo cho thân nhân có tên trên liên hệ với Phòng Quản lý xuất nhập
cảnh.....(3)..... để được cấp thẻ thường trú theo quy định.

Xin thông báo để ông/bà biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng QLXNC..... (3)
(để biết);
- Lưu:

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG

Giải thích mẫu:

- (1) Ghi họ tên và địa chỉ thường trú của người bảo lãnh;
- (2) Ghi họ tên người xin thường trú;
- (3) Ghi tên Công an tỉnh, TP nơi người nước ngoài xin thường trú.

Mẫu (Form) NB7(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**GIẤY BIÊN NHẬN**

.....(1)

.....(2) đã nhận hồ sơ của:

Ông (bà):.....; Số CMND/hộ chiếu:.....; Số hồ sơ:.....

Địa chỉ/cơ quan/tổ chức/cá nhân:.....

Hồ sơ gồm:

- Công văn số/Đơn đề nghị:....., Ngày...../...../.....

- Kèm theo:.....

Nội dung đề nghị:

- Cấp.....

- Đề nghị khác:.....

Ghi chú:.....

Mời ông/bà nhận trả lời kết quả vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....
tại.....(3), địa chỉ.....(4)

(Khi nhận trả lời kết quả, đề nghị ông/bà mang theo giấy này và CMND/hộ chiếu).

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

Người nhận hồ sơ

(Ký ghi rõ họ tên)

Giải thích mẫu:

(1) Số biên nhận: ghi đầy đủ mã nơi nhận hồ sơ, ngày tháng năm, theo thứ tự.

(2) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, TP trực thuộc Trung ương.

(3) Nếu có bàn/quầy thì ghi rõ số; nếu không có thì ghi Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh.

(4) Ghi rõ địa chỉ của trụ sở cơ quan.